

A horizontal number line with arrows at both ends. It is marked with numbers 0, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, and 100. Major tick marks are at every 10 units. A red dot is placed on the tick mark for 10.

[illegible]

Mục thứ 2, bài kinh số 1, cần hiểu như sau:

Trong đoạn “Ekadhammampi” này, cần hiểu rằng “pháp” không phải là sinh vật, giống như câu nói: “Trong thời điểm ấy, các pháp tồn tại”. Do đó, nội dung của đoạn này nhấn mạnh rằng ngay cả một hiện tượng cũng không phải là sinh vật.

Từ “vā” trong câu “Anuppanno vā” được hiểu theo nghĩa tổng hợp, không phải phân biệt, giống như câu: “Bhūtanam sattānam ṭhītiyā sambhavesīnam vā anuggahāya yāvatā bhikkhave sattā apadā vā dvipadā vā”, nghĩa là để duy trì sự tồn tại của những sinh vật

[illegible]

[illegible][illegible][illegible]

--	--	--

[illegible]

--	--	--	--

Three empty 10x10 grids for drawing, each with a 1cm scale bar at the bottom. The first grid is on the left, the second in the middle, and the third on the right.

_____.

--	--	--	--

Làm thế nào phiền não sinh khởi do chưa từng trải nghiệm cảm xúc trước đây? Ở đây, một vị Tỳ-khưu gặp phải cảm xúc dễ chịu hoặc khó chịu mà mình chưa từng trải nghiệm trước đó. Khi không suy xét đúng đắn và thiếu niệm, tham ái sẽ sinh khởi trong tâm của vị ấy. Đây là cách phiền não chưa sinh khởi có thể xuất hiện thông qua những cảm xúc chưa từng được trải nghiệm.

Phiền não sinh khởi từ cảm xúc chưa từng trải nghiệm là như thế nào?

Một số vị Tỳ-khưu gặp phải những cảm xúc như hình ảnh dễ chịu hoặc khó chịu mà trước đây chưa từng trải nghiệm. Khi họ không suy xét đúng đắn và thiếu niệm, tham ái sẽ sinh khởi trong tâm họ.

Khi điều này xảy ra, phiền não chưa sinh khởi thông qua cảm xúc chưa từng trải nghiệm cũng được xem là đã sinh khởi.

Từ “Uppanno” có nghĩa là đã sinh ra, đã xuất hiện đồng thời, đã hiện ra, và đã xuất hiện rõ ràng.

Từ “Bhiyyobhavāya” có nghĩa là để sinh khởi thường xuyên.

Từ “Vepullāya” có nghĩa là để phát triển dồi dào, trở thành một khối lớn.

Trong trường hợp này, việc dục vọng sinh khởi một lần rồi không bao giờ diệt, hoặc diệt một lần rồi không bao giờ sinh lại, là điều không thể xảy ra.

Khi một dục vọng đã diệt, nó sẽ tiếp tục sinh khởi trong cảm xúc đó hoặc cảm xúc khác, được xem là gia tăng và phát triển thịnh vượng.

Subhanimitta” chỉ cảm xúc là đối tượng của sự tham ái.

Từ “Subhanimitta” chỉ cảm xúc là đối tượng của sự tham ái.

Nimitta” có nghĩa là yếu tố, như trong câu: “Các Tỳ-khưu, các pháp bất thiện

sinh khởi do có yếu tố, không có yếu tố thì không thể sinh khởi.”

Nimitta” còn có nghĩa là nguyên nhân, như trong câu: “Các Tỳ-khưu, người tu tập tâm

thanh tịnh cần quán chiếu về năm nguyên nhân vào thời điểm thích hợp.”

Nimitta” cũng có nghĩa là thiền định, như trong câu: “Vị Tỳ-khưu ấy thực hành và phát

triển thiền định.”

Nimitta” cũng có nghĩa là thiền quán, như trong câu: “Khi vị Tỳ-khưu dựa vào thiền

quán nào và thực hành thiền quán ấy, các lậu hoặc sẽ dần dần chấm dứt.”

Nhưng trong trường hợp này, pháp được gọi là “Subhanimitta” là cảm xúc dễ chịu, trở

thành đối tượng của sự tham ái.

Cụm từ “Ayoniso Manasikāroto” có nghĩa là khi vị Tỳ-khưu chú tâm một cách không đúng

đắn. Vậy chú tâm không đúng đắn là như thế nào?

Chú tâm không đúng đắn là chú tâm sai lệch, nhìn nhận những thứ vô thường là thường,

những thứ khổ là lạc, những thứ không có tự ngã là có tự ngã, và những thứ không đẹp là đẹp. Nó bao gồm cả sự suy nghĩ ám ảnh, ghi nhớ liên tục, hoặc tập trung tâm trí vào những điều ô trọc và không có thực. Đây được gọi là chú tâm không đúng đắn.

Kết thúc phần chú giải bài kinh số 1.

Kết thúc phần chú giải bài kinh số 1.

Chú giải bài kinh số 2

Chú giải bài kinh số 2

:-

Trong bài kinh số 2, có các phân tích như sau:

Byāpādo (Byāpādo) (Byāpādo).

Từ “Byāpādo” có nghĩa là sự hủy hoại, sự rối loạn của tâm trí, giống như thức ăn bị hỏng.

Byāpādo (Byāpādo) (Byāpādo).

Từ “Byāpādo” là tên của chương ngại (nivāraṇa) về sân hận. Nó được mô tả chi tiết rằng: “Chương ngại này xuất hiện khi có sự oán hận, như suy nghĩ rằng ‘người này đã gây hại cho ta.’”

Paṭighanimittam (Paṭighanimittam) (Paṭighanimittam).

Từ “Paṭighanimittam” có nghĩa là dấu hiệu hoặc đối tượng không mong muốn.

Paṭighanimittam (Paṭighanimittam) (Paṭighanimittam).

Từ “Paṭighanimittam” có thể chỉ tâm trạng tức giận (paṭighacitta) hoặc đối tượng gây ra sự tức giận.

Paṭighanimittam (Paṭighanimittam) (Paṭighanimittam).

Theo như các nhà chú giải đã nói, ngay cả tâm tức giận cũng được gọi là “Paṭighanimitta,” và bất kỳ pháp nào là đối tượng của sự tức giận cũng được gọi là “Paṭighanimitta.”

Paṭighanimittam (Paṭighanimittam) (Paṭighanimittam).

Các nội dung còn lại trong phần này nên được hiểu tương tự như phần đã nói về dục vọng (kāmacchanda).

Paṭighanimittam (Paṭighanimittam) (Paṭighanimittam).

Chương ngại về tức giận (paṭigha) cũng tương tự như các chương ngại khác.

Paṭighanimittam (Paṭighanimittam) (Paṭighanimittam).

Trong mỗi bài kinh, tôi chỉ nói đến những điểm khác biệt.

Paṭighanimittam (Paṭighanimittam) (Paṭighanimittam).

Kết thúc phần chú giải bài kinh số 2.

Paṭighanimittam (Paṭighanimittam) (Paṭighanimittam).

Chú giải bài kinh số 3

Paṭighanimittam (Paṭighanimittam) (Paṭighanimittam) :-

Trong bài kinh số 3, có các phân tích như sau:

Paṭighanimittam (Paṭighanimittam) (Paṭighanimittam).

[illegible]

“Sự vận vẹo thân thể” ám chỉ sự nghiêng ngả, cúi xuống hoặc xoay chuyển, được gọi là “Vijambhikā.”

“Say mê ăn uống” là sự tiêu thụ quá mức, chìm đắm trong ăn uống và mệt mỏi vì thức ăn.

Vậy “tâm héo mòn” là gì?

Đó là khi tâm không phù hợp để làm việc, trở nên chán nản, mệt mỏi và mất động lực.

Bốn pháp trên là nguyên nhân của chương ngại thīnamiddha, cả theo nhân đồng sinh và nhân phụ thuộc.

Sự yếu đuối không phải là nhân đồng sinh tự nhiên, nhưng nó có thể là nhân đồng sinh khi phụ thuộc vào các nhân phụ thuộc.

Kết thúc phần chú giải bài kinh số 3.

Chú giải bài kinh số 4

Trong bài kinh số 4, có các phân tích như sau:

Từ “Uddhaccakukkuccham” chỉ trạng thái uddhacca (tâm dao động) và kukkucca (hối hận).

Trong hai trạng thái này, “uddhacca” là sự dao động, tán loạn của tâm.

“Kukkucca” là sự hối hận của người đã không làm điều thiện, chỉ làm điều ác, và đây là nguyên nhân gây nên sự bất an.

.

Kết thúc phần chú giải bài kinh số 5.